TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C – TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2019/DS-ST
Ngày: 18/9/2019
V/v "Tranh chấp Hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Trường.
2. Ông Phan Hồng Sáng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C – Bến Tre.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2019/TLST-DS ngày 18/7/2019 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐST - DS ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1983

Địa chỉ: số 132, khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Dương Kim H, sinh năm 1964; địa chỉ D2, Cư xá Phú Lâm B, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (Tại văn bản ủy quyền số 39 ngày 07/8/2019)

2. Bị đơn: 2.1 Ông Lê Văn C, sinh năm 1962

2.2 Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: số 283/AQI ấp F, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả cùng có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2019, trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Dương Kim H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quốc Đ trình bày:

Ông Trần Quốc Đ là chủ hộ kinh doanh của cơ sở thức ăn thủy sản Quốc Đ. Từ năm 2017 đến năm 2019 vợ chồng ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị B có đến cơ sở của ông Đ mua thức ăn, thuốc về nuôi tôm nhiều lần. Việc mua bán có ghi vào sổ cho đôi bên giữ. Khi mua bán cùng nhau, phía ông C, bà B thỏa thuận sẽ thanh toán dứt nợ cho ông Đ vào thời gian thu hoạch tôm. Thời gian đầu ông C, bà B thanh toán tiền cho ông

Đ rất tốt nhưng sau đó thì số tiền thiếu lại ngày càng tăng lên. Tính đến ngày 28/12/2018 ông C, bà B nợ ông Đ số tiền 193.861.000 đồng. Ngày 04/6/2019 đôi bên đã ngồi lại lập Giấy xác nhận đối với số tiền nợ nói trên. Kể từ ngày 28/12/2018 đến nay phía ông C, bà B không thánh toán cho ông Đ được số tiền nào. Vì vậy ông Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C, bà B liên đới thanh toán cho ông Đ số tiền nợ gốc đã mua thức ăn và thuốc thủy sản là 193.861.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc với mức lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày 30/12/2018 đến tháng tòa xét xử.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Dương Kim H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quốc Đ xác định giữ nguyên ý kiến đã trình bày, khẳng định nguyên đơn ông Trần Quốc Đ yêu cầu tòa buộc ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Đ số tiền nợ mua thứa ăn và thuốc thủy sản tổng cộng là 211.308.490 đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc là 193.861.000 đồng; Tiền nợ lãi tính từ ngày 30/12/2018 đến tháng 30/8/2019 (08 tháng) với mức lãi suất 1,125%/tháng thành tiền lãi là 17.447.490 đồng).

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa phía bị đơn ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị B trình bày:

Trong quá trình làm kinh tế, từ năm 2016 vợ chồng ông C, bà B có nhiều lần mua thức ăn tôm, thuốc nuôi tôm từ cơ sở của ông Đ về nuôi tôm. Thời gian đầu vợ chồng ông C, bà B thanh toán tiền cho ông Đ rất đầy đủ, đúng hạn. Từ năm 2018, 2019 vì nuôi tôm không thuận lợi nên có thiếu lại ông Đ một phần tiền mua thức ăn tôm, thuốc nuôi tôm. Tính đến ngày 28/12/2018 ông C, bà B còn nợ ông Đ số tiền 193.861.000 đồng. Ngày 04/6/2019 đôi bên đã ngồi lại lập Giấy xác nhận đối với số tiền ông C, bà B thiếu ông Đ từ ngày 28/12/2018 là 193.861.000 đồng. Kể từ ngày 28/12/2018 đến nay phía ông C, bà B chưa thánh toán được cho ông Đ số tiền nào thêm nên bị ông Đ khởi kiện. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì ông C, bà B cũng đồng ý có nợ và đồng ý thanh toán cho ông Đ nhưng vì hiện giờ hoàn cảnh quá khó khăn, không có khả năng thanh toán ngay cho ông Đ nên ông C, bà B xin ông Đ cho thanh toán tiền gốc 193.861.000 đồng dưới hình thức thanh toán dần 10.000.000 đồng/năm, còn phần tiền lãi 17.447.490 đồng thì xin không thanh toán.

Ý kiến nói trên của ông C, bà B không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý.

Từ các lời trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét việc ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà B có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Đ số tiền mua thức ăn, thuốc nuôi tôm còn thiếu là 211.308.490 đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc là 193.861.000 đồng; Tiền nợ lãi tính từ ngày 30/12/2018

đến tháng 30/8/2019 (08 tháng) với mức lãi suất 1,125%/tháng là 17.447.490 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Việc mua bán thức ăn, thuốc nuôi tôm giữa ông Đ và ông C, bà B là hoàn toàn tự nguyện, không có sự lừa dối, ép buộc. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận có việc mua bán cùng nhau, thừa nhận ngày 04/6/2019 ông C, bà B và ông Đ có lập giấy xác nhận chốt số nợ ông C, bà B còn thiếu ông Đ từ ngày 28/12/2018 là 193.861.000 đồng và ký tên. Giấy xác nhận nợ ngày 04/6/2019, sự thừa nhận của ông C, bà B từ ngày 28/12/2018 đến nay ông C, bà B chưa thanh toán được cho ông Đ số tiền nào được xem là những chứng cứ để Tòa án giải quyết vụ kiện.

[2] Việc từ ngày 28/12/2018 đến nay ông C, bà B không thanh toán được ông Đ số tiền nào là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông Đ. Việc ông Đ khởi kiện yêu cầu ông C, bà B phải liên đới thanh toán tiền mua thức ăn và thuốc nuôi thủy sản chưa thanh toán 211.308.490 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 357, 430, 440, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[3] Xét ý kiến thừa nhận nợ, đồng ý thanh toán nợ nhưng chỉ thanh toán dần tiền nợ gốc, không thanh toán tiền lãi của bị đơn ông C, bà B không được ông Nguyễn Dương Kim H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí DS-ST có giá ngạch: 10.565.424 đồng , do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 357, 430, 440, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc Đ. Buộc bị đơn ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trần Quốc Đ số tiền là 211.308.490 đồng (Hai trăm mười một triệu, ba trăm lẻ tám ngàn, bốn trăm chín mươi đồng). Trong đó: Tiền nợ gốc là 193.861.000 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi mốt ngàn đồng); Tiền lãi là 17.447.490 đồng (Mười bảy triệu, bốn trăm bốn mươi bảy ngàn, bốn trăm chín mươi đồng).

2/ Không chấp nhận việc ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị B yêu cầu được thanh toán cho ông Đ số tiền nợ gốc là 193.861.000 đồng (Một trăm chín mươi ba triệu, tám

trăm sáu mươi mốt ngàn đồng) dưới hình thức thanh toán dần 10.000.000 đồng/năm và không thanh toán số tiền lãi 17.447.490 đồng (Mười bảy triệu, bốn trăm bốn mươi bảy ngàn, bốn trăm chín mươi đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 10.565.424 đồng (Mười triệu, năm trăm sáu mươi lăm ngàn, bốn trăm hai mươi bốn đồng) bị đơn ông C, bà B có nghĩa vụ liên đới nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.228.000 đồng (Năm triệu, hai trăm hai mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004979 ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện C;*
- *THADS huyện C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Rẻn